

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ II NĂM 2024

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX
A	B	1	2	3	4	5	6	7 = 4/1	8 = 5/2	9 = 6/3
	TỔNG CHI	11945605	4050000	7895605	2343612	122045	2221567	19.62	3.01	28.14
	Trong đó:									
	Chi công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội	875740	200000	675740	114453		114453	13.07		16.94
	Chi dân quân tự vệ	382940		382940	56253		56253	14.69		14.69
	Chi trật tự an toàn xã hội	492800	200000	292800	58200		58200	11.81		19.88
1	Chi giáo dục	600000	500000	100000	191950		191950	31.99		191.95
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ									
3	Chi y tế	156400		156400	16200		16200	10.36		10.36
4	Chi văn hóa, thông tin	445000	300000	145000						
5	Chi phát thanh, truyền thanh	38080		38080	7020		7020	18.43		18.43
6	Chi thể dục, thể thao	50000		50000	36113		36113	72.23		72.23
7	Chi bảo vệ môi trường	50000		50000						
8	Chi các hoạt động kinh tế	2913261	1940000	973261	128782	19162	109620	4.42	0.99	11.26
	Giao thông	1940000	1940000		19162	19162		0.99	0.99	
	Nông - lâm - thủy lợi - hải sản	973261		973261	102780		102780	10.56		10.56
	Thị chính									
	Thương mại, du lịch									
	Các hoạt động kinh tế khác				6840		6840			
	Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	6361516	1110000	5251516	1734722	102883	1631839	27.27	9.27	31.07
9	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể									
	Trong đó: Quỹ lương				908814		908814			
	Quản lý Nhà nước	3899819	1110000	2789819	1065623	102883	962740	27.32	9.27	34.51
	Đảng Cộng sản Việt Nam	1007593		1007593	225664		225664	22.4		22.4
	Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	368321		368321	152551		152551	41.42		41.42
	Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM	236253		236253	60026		60026	25.41		25.41

[illegible]